TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HS-PT
Ngày: 08-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Ngọc T do có kháng cáo của bị hại Phạm Văn Ú đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2025/HS-ST ngày 11-6-2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 -Vĩnh Long).

- *Bị cáo bị kháng cáo*: Phạm Ngọc T, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1950 và bà Phan Thị Ú1, sinh năm 1952; vợ: Trần Thị Hồng D, sinh năm 1994; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định số: 38/QĐ-XPVPHC ngày 17/02/2019 bị Trưởng Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi *Đánh bạc* (đã nộp phạt xong ngày 07/3/2019); bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Phạm Văn Ú, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long), có mặt;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Phạm Văn Ú:* Ông Nguyễn Văn L là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 26/11/2023, Phạm Ngọc T phát hiện bị mất con gà trống nòi nên gọi điện cho ông Lương Văn H là lực lượng bảo vệ an ninh trật tự cơ sở báo sự việc thì nghe ông H nói "Hồi hôm tao nghe P nói H1 có đi ngang lộ khoảng 02 giờ 30 phút, đâu ông gặp P hỏi xem sao". Sau đó, T qua nhà H thì gặp vợ chồng H, Nguyễn Văn D1, Lê Văn U, Lê Văn H2 (thường gọi là C) và Phan Văn P thì nghe P nói "Tao thấy thằng H1 trong sân nhà mày ra". Nghe vậy T nghi ngờ Phạm Văn Ú (tên thường gọi là H1) là người đã bắt trộm gà của mình nên nhờ ông H báo Công an xã. Xong, T đi bộ một mình đến nhà Phạm Văn Ú. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, khi vào nhà T thấy Ú đang nằm võng trong nhà nên hỏi Ú "gà tao đâu", Ú đứng lên và trả lời "tao không biết gà gì đâu", T liền dùng tay phải đánh 02 cái liên tiếp vào vùng mặt của Ú, Ú bỏ chạy ra ngoài đường, T đuổi theo và nhặt được 01 đoạn gỗ hình trụ dài khoảng 80cm trước cửa nhà Ú, khi Ú bị té xuống mé đường đi T đuổi kịp và cầm đoạn gỗ đánh trúng vùng lưng Ú 02 cái, Ú tiếp tục bỏ chạy nhưng trượt té nên T dùng đoạn gỗ đánh tiếp 02 cái, Ú giơ tay trái lên đỡ thì bị trúng tay gây thương tích. Lúc này ông Lê Văn H2 nhìn thấy đến can ngăn và giật được đoạn gỗ của T ném xuống sông C và nói "Đã báo Công an rồi có gì để Công an giải quyết". T dùng tay phải nắm cổ áo kéo Ú đi ra lộ, cự cãi đòi Ú trả lại con gà rồi dùng tay trái đánh vào vùng mặt, đầu làm Ú té xuống đất và tiếp tục nắm cổ áo Ú kéo đi thì gặp lực lượng Công an xã T đến mời những người có liên quan về trụ sở làm việc, Ú được đưa đi điều trị thương tích. Do anh H2 đã ném bỏ đoạn gỗ nên không thu hồi được.

* Theo Giấy chứng nhận thương tích số: 001686/2023/CN ngày 25/12/2023 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu - tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long) ghi nhận tình trạng thương tích của Phạm Văn Ú:

- Vào viện lúc 10 giờ 15 phút ngày 26/11/2023, ra viện lúc 09 giờ 55 phút ngày 07/12/2023;

- Tình trạng thương tích lúc vào viện: Sưng nề, bầm từ 1/3 giữa cánh tay trái đến 1/3 giữa cẳng tay trái, biến dạng khuỷu tay trái, hạn chế vận động, tê ngón 4, 5 bàn tay trái, mạch quay trái rõ. Trầy xước da má trái, trán trái, ngực, hông lưng trái. Xquang khuỷu trái: Gãy liên lồi cầu xương cánh tay trái. CLVT sọ não: không tụ máu nội sọ. Xquang ngực, cột sống thắt lưng: không gãy xương;

- Chẩn đoán: Gãy liên lồi cầu xương cánh tay trái, chấn thương đầu, đa chấn thương phần mềm.

* Tại Bản kết luận giám định số: 18/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 22/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long) kết luận như sau:

Các kết quả chính: Sẹo mổ mặt sau cánh cẳng tay trái, kích thước trung bình. Gãy liên lồi cầu xương cánh tay trái. Kết luận:

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn Ú tại thời điểm giám định là 23% áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

+ Kết luận khác: Tỷ lệ tổn thương cơ thể từng thương tích của Phạm Văn Ú là: Sẹo mổ mặt sau cánh tay - cẳng tay trái, kích thước trung bình 02% (hai phần trăm) căn cứ Mục I.2 Chương 8. Gãy liên lồi cầu xương cánh tay trái 21% (hai mươi mốt phần trăm) căn cứ Mục III.4.1 Chương 7. Thương tích của Phạm Văn Ú thể hiện trong giấy chứng nhận thương tích và hồ sơ bệnh án là do vật tày gây ra. Cơ chế hình thành vết thương của Phạm Văn Ú là do vật tày tác động trực tiếp gây ra.

* Tại Biên bản giám định y khoa số: 26/GĐYK-LNLĐ ngày 08/5/2024 của Hội đồng giám định y khoa tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long) kết luận ông Phạm Văn Ú được xác định: Suy giảm khả năng lao động là 25%.

Quá trình điều tra, bị cáo đồng ý kết luận giám định.

Quá trình xét xử, bị cáo yêu cầu trưng cầu giám định lại nhưng tại phiên tòa bị cáo rút yêu cầu.

Bị hại đồng ý các kết luận giám định trên, không có ý kiến gì khác.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2025/HS-ST ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long) đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội "Cố ý gây thương tích";

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải bồi thường cho bị hại Phạm Văn Ú số tiền 113.444.000 đồng (Trong đó: chi phí điều trị thương tích là 27.353.000 đồng, tiền mua thuốc bên ngoài do bác sĩ kê đơn là 600.000 đồng, tiền xe chuyển viện là 296.000 đồng, chi phí đi lại điều trị là 3.000.000 đồng, tiền chụp X quang 65.000

đồng, tiền mất ngày công lao động người nuôi bệnh 11 ngày là 2.750.000 đồng, tiền ăn người bệnh và người nuôi bệnh 11 ngày là 1.980.000 đồng, tiền mất thu nhập và tổn thất do thương tật là 54.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 23.400.000 đồng);

Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại được số tiền 10.500.000 đồng, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 102.944.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ khi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20/6/2025, bị hại Phạm Văn Ú kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc T và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm; bị cáo không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị hại Phạm Văn Ú.

- Bị hại Phạm Văn Ú trình bày thương tích ở cánh tay trái bị hại điều trị cập nẹp trong thời gian khoảng 09 tháng, bị hại giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc T và tăng mức bồi thường thiệt hại cho bị hại.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị hại làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo của bị hại nhận thấy: Cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng" theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không phù hợp, kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt của bị hại đối với bị cáo là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử; chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo; không chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng tiền bồi thường; buộc bị cáo bồi thường thêm cho bị hại thiệt hại phát sinh với số tiền 2.773.000 đồng. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Ngọc T bồi thường cho bị hại Phạm Văn Ú thiệt hại phát sinh với số tiền 2.773.000 đồng. Về án phí: Bị hại Phạm Văn Ú không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Phạm Ngọc T nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực

pháp luật.

- Bị cáo tranh luận: Xin Hội đồng xét xử xem xét lại mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị để tạo điều kiện cho bị cáo sớm về với gia đình.

- Bị hại không tranh luận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, tăng tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt như Kiểm sát viên đề nghị, tăng thêm khoản tiền mất thu nhập và tổn thất do thương tật 54.000.000 đồng, bồi thường thêm khoản thiệt hại do điều trị phát sinh 2.773.000 đồng.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm về lo cho mẹ già, con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Do nghi ngờ Phạm Văn Ú là người đã bắt trộm con gà trống nòi của mình nên khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/11/2023, Phạm Ngọc T đi đến nhà của Phạm Văn Ú (tên thường gọi là H1) ở ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long) để hỏi nhưng Phạm Văn Ú nói không biết thì Phạm Ngọc T đã dùng tay và đoạn gỗ (là hung khí nguy hiểm) đánh nhiều cái trúng vào tay trái và vùng ngực, hông, lưng của Phạm Văn Ú gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 23%.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã vô cớ dùng tay, đoạn gỗ là hung khí nguy hiểm đánh liên tiếp vào người bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 23%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, hung khí gây án và hậu

quả do bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội "Cố ý gây thương tích" với tình tiết định khung tăng nặng "*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%*" theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a "*dùng hung khí nguy hiểm"* và điểm i "*Có tính chất côn đồ"*) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Phạm Văn Ú yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như "*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*" theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình đang nuôi 02 con nhỏ, có mẹ già bị mất sức lao động, có cậu ruột là liệt sĩ* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 01 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo có hành vi gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 23%, phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, đã xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại, tại thời điểm xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.500.000 đồng. Bị cáo đã nghi ngờ bị hại bắt trộm gà của bị cáo không có căn cứ nhưng đã thực hiện hành vi đánh bị hại rất quyết liệt, bị hại đã bỏ chạy nhiều lần nhưng bị té và bị cáo mặc dù đã được can ngăn nhưng vẫn tiếp tục dùng tay, đoạn gỗ là hung khí nguy hiểm đánh bị hại nhiều lần, điều đó đã thể hiện bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ và cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, Toà án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng" theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là có thiếu sót và việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp, dẫn đến xử phạt bị cáo mức hình phạt 01 năm tù là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và hậu quả mà bị cáo đã gây ra cho bị hại. Vì vậy, kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị hại Phạm Văn Ú yêu cầu tăng tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại, thấy rằng:

Toà án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Phạm Ngọc T bồi thường cho bị hại Phạm Văn Ú số tiền 113.444.000 đồng (gồm: chi phí điều trị thương tích là 27.353.000 đồng, tiền mua thuốc bên ngoài do bác sĩ kê đơn là 600.000 đồng, tiền xe chuyển viện là 296.000 đồng, chi phí đi lại điều trị là 3.000.000 đồng, tiền chụp X quang 65.000 đồng, tiền mất ngày công lao động người nuôi bệnh 11 ngày là 2.750.000 đồng, tiền ăn người bệnh và người nuôi bệnh 11 ngày là 1.980.000 đồng, tiền mất thu nhập và tổn thất do thương tật là 06 tháng x 9.000.000 đồng/tháng = 54.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần bằng 10 tháng lương cơ sở x 2.340.000 đồng/tháng = 23.400.000 đồng). Tại cấp phúc thẩm, bị hại trình bày thương tích ở cánh tay trái của bị hại phải điều trị cập nẹp trong khoảng thời gian 09 tháng, thương tích này do bị cáo gây ra cho bị hại, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm tiền mất thu nhập và tổn thất do thương tật với số tiền 54.000.000 đồng; đồng thời, bị cáo phải bồi thường thiệt hại do phát sinh điều trị với số tiền 2.773.000 đồng. Xét thấy: đối với khoản tiền mất thu nhập và tổn thất do thương tật, sau khi bị thương tích ở cánh tay trái thì bị hại phải điều trị cập nẹp trong thời gian khoảng 09 tháng, cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại thời gian 06 tháng là chưa phù hợp; đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần, thấy rằng bị cáo vô cớ đánh bị hại gây thương tích với tỷ lệ thương tật 23%, làm suy giảm khả năng lao động là 25%, bị cáo cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, đã gây đau đớn về thể xác cũng như gây hoang mang về mặt tinh thần của bị hại, cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần cho bị hại bằng 10 tháng lương cơ sở là chưa phù hợp, từ đó đã quyết định buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền 113.444.000 đồng là chưa phù hợp. Vì vậy, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thêm tiền mất thu nhập và tổn thất do thương tật với số tiền 54.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường khoản thiệt hại phát sinh do điều trị thương tích với số tiền 2.773.000 đồng, xét thấy yêu cầu này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy: tổng các khoản bị cáo phải bồi thường cho bị hại với số tiền là 170.217.000 đồng (gồm: 113.444.000 đồng theo Bản án sơ thẩm tuyên + 54.000.000 đồng yêu cầu bồi thường thêm tiền mất thu nhập và tổn thất do thương tật + 2.773.000 đồng thiệt hại phát sinh do điều trị thương tích). Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.500.000 đồng, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 159.717.000 đồng.

Do số tiền bồi thường thiệt hại có tăng lên, nên án phí dân sự sơ thẩm phải

được tính lại cho phù hợp.

[6] Về các vấn đề khác:

- Quan điểm của Kiểm sát viên chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Riêng về phần trách nhiệm dân sự và án phí là có phần chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

- Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

- Đối với chi phí điều trị thương tích của bị hại do bị cáo gây ra, nếu sau này có phát sinh và bị hại có yêu cầu thì bị hại làm đơn khởi kiện để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí:

- Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm do có phát sinh tăng tiền bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm a, b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Văn Ú; sửa Bản án sơ thẩm số: 20/2025/HS-ST ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long).

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích";

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: